

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2019

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Chung

2. Bà Đinh Thị Thươn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đức Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh S, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn M6, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Chị Sâu Zuôn N, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn M6, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2019, được bổ sung bằng bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng ngày 09/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đinh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Sâu Zuôn N tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, về chung sống với nhau từ đầu năm 2006, đến ngày 10/10/2006, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ ngày 18/4/2014 khi anh bị bắt tạm giam về tội: *“Cô ý gây thương tích”*, đến năm 2016, anh chấp hành án xong, trở về địa phương thì chị N đã bỏ nhà đi. Anh liên lạc, tìm gặp được chị N. Nhưng chị N chỉ đồng ý về nhà trong ngày để gặp con, chị N kiên quyết không muốn vợ chồng tiếp tục đời sống chung. Anh níu kéo, nhờ gia đình

hai bên can thiệp nhưng không được. Từ đó, anh một mình nuôi con, còn chị N tiếp tục ra ngoài sống, cả hai bỏ mặc, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh nhận thấy vợ chồng sống ly thân kéo dài, tình cảm không còn, không thể đoàn tụ, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Sâu Zuôn N.

Về con chung: Anh và chị Sâu Zuôn N có 01 con chung, là cháu: Đinh Thị N1(sinh ngày: 11/12/2006), hiện nay cháu N1 đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu cho anh được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đinh S; *Về con chung:* Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh S, giao cháu Đinh Thị N1 (sinh ngày: 11/12/2006) cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Cũng là nguyện vọng của cháu N1), anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chi N cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn anh S chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn chị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị N đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã niêm yết, thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị N tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh Đinh S và chị Sâu Zuôn N được xác lập kể từ khi anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2006 tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, nhưng kể từ ngày 18/4/2014 đến năm 2016, khi anh S bị bắt tạm giam và đi chấp hành án tại Trại giam, chị N ở nhà đã tự chấm dứt tình cảm với anh S, chị bỏ mặc, không quan tâm đi lại thăm nom chồng, tự ý bỏ đi ra ngoài sống. Đến khi anh S trở về địa phương, mặc dù anh đã cố gắng tìm mọi giải pháp để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Vợ chồng sống ly thân kéo dài cho đến nay.

Qua việc Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của anh S và chị N đúng như lời khai của anh S. Ngoại trừ thời gian anh S đi chấp hành án thì thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, hiện không còn tình nghĩa gì với nhau. Tại phiên tòa, anh S giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị N. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của anh S và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của anh Đinh S về việc: Khi ly hôn, anh yêu cầu cho anh được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị N1 (sinh ngày: 11/12/2006), anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế hiện nay chỉ một mình anh S chăm lo trực tiếp cho con chung, cứ cách khoảng vài tháng chị N chỉ có ghé thăm nom con trong ngày lại rời đi. Tòa án và địa phương không xác định được mức thu nhập, môi trường sống hiện tại, ý kiến và nguyện vọng nuôi con của chị N ; Xét nguyện vọng của cháu N1 muốn sống theo cha, nên anh S đủ điều kiện để tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu: Đinh Thị N1 (sinh ngày: 11/12/2006) cho anh S được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh S không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đinh S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Đinh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh S đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03595 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của anh Đinh S, anh Đinh S được ly hôn chị Sâu Zuôn N.

- **Về con chung:** Chấp nhận yêu cầu của anh Đinh S: Giao cháu: Đinh Thị N1 (sinh ngày: 11/12/2006) cho anh S được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị N. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, về nợ chung:** Anh Đinh S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Anh Đinh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03595 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

Anh Đinh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Chị Sâu Zuôn N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày chị N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã VH, huyện VT
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Đào